

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2018

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thi Hữu Giàu;

2. Ông Lữ Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị D - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: ấp 1, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp 1, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Thị D trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lê Văn T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQT ngày 17-6-2008. Chung sống đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường gây gổ nhau. Bà và ông T ly thân từ năm 2016 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Hồng P, sinh ngày 17/7/2007, (đang sống chung với bà), bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19/3/2018, bà Phan Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Lê Văn T được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lê Văn T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Văn T được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[4] Bà D và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 17-6-2008 tại Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[6] Xét về hôn nhân: Bà D và ông T xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 đến nay, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà D yêu cầu ly hôn là

phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[7] Về nuôi con chung:

Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Hồng P, sinh ngày 17/7/2007 (đang sống chung với bà D). Bà D không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của bà là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét con chung thuộc phái nữ, đang sống chung với bà D, việc thay đổi môi trường sống, học tập sẽ ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của con chung.

Do đó, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà D phù hợp nguyện vọng của con chung, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên chấp nhận. Ngược lại, ông T không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của bà D, nên không có căn cứ xem xét.

[8] Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[9] Ông T được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà D và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[10] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, ông T không có ý kiến, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xét thấy: Bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị D được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung:

- Bà Phan Thị D được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thị Hồng P, sinh ngày 17/7/2007 (đang sống chung với bà D), theo nguyện vọng của con chung; Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông T được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà D và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, ông T không có ý kiến, không đề cập giải quyết;

4. Về án phí: Bà Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008176 ngày 12-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà D đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương